

Số: 164/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, Điều 361, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Dân sự:

Người yêu cầu: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1988.

Và chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 24/3/2016 được UBND xã Đ, huyện H cấp đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đời sống chung không còn hạnh phúc. Anh H và chị T đã từng làm đơn đến UBND xã Đ, huyện H đề hòa giải, sau khi hòa giải vợ chồng đã suy nghĩ lại và cho nhau cơ hội để tiếp tục chung sống nhưng từ đó đến nay mâu

thuần vợ chồng vẫn không khắc phục được. Từ tháng 5 năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh **H** và chị **T** đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho vợ chồng anh chị.

[2]. Về con chung: Anh **Nguyễn Văn H**, chị **Hoàng Thị T** thống nhất, thỏa thuận vợ chồng có 02 con chung, cháu đầu tên là **Nguyễn Hoàng T1**, sinh ngày 26/12/2016, cháu thứ hai tên là **Nguyễn Hoàng Ánh D**, sinh ngày 08/9/2019. Ly hôn, anh **H** và chị **T** thống nhất, thỏa thuận: Giao cả hai con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại chị **T** không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[3]. Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Văn H**, chị **Hoàng Thị T** thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ: Anh **Nguyễn Văn H**, chị **Hoàng Thị T** thống nhất vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh **Nguyễn Văn H**, chị **Hoàng Thị T** thống nhất, thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp một nửa lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/9/2024, là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thay đổi đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Văn H**, chị **Hoàng Thị T**.

- Về con chung: Anh **Nguyễn Văn H**, chị **Hoàng Thị T** thống nhất, thỏa thuận vợ chồng có 02 con chung, cháu đầu tên là **Nguyễn Hoàng T1**, sinh ngày 26/12/2016, cháu thứ hai tên là **Nguyễn Hoàng Ánh D**, sinh ngày 08/9/2019. Ly hôn, anh **H** và chị **T** thống nhất, thỏa thuận: Giao cả hai con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại chị **T** không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh **Nguyễn Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị T thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị T thống nhất vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T thống nhất, thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp một nửa lệ phí giải quyết việc Dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh H, chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc theo biên lai thu tiền số 0003362 ngày 27 tháng 8 năm 2024. Anh H, chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Người yêu cầu; UBND xã Đông Lộc;
- Phòng GDKTNV-TAND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tạ Văn Tuyên